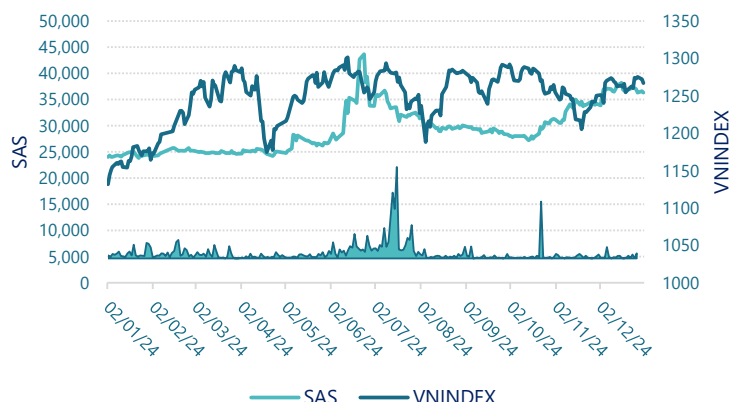


CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (UPCOM: SAS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	36,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,662
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,833
SL cổ phiếu LH	133,451,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,080
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,844
P/E	11.3
EPS	3,221

DT thuần

Q4/24

789

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00 | 0.9%

YoY: ▲ 95.0 | 13.7%

LN sau thuế

Q4/24

136

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 45.0 | -25.0%

YoY: ▲ 83.1 | 157%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

17.3%

+/- YoY: ▲ 4.4%

DT thuần

2024

2,906

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 325 | 12.6%

LN sau thuế

2024

430

tỷ VNĐ

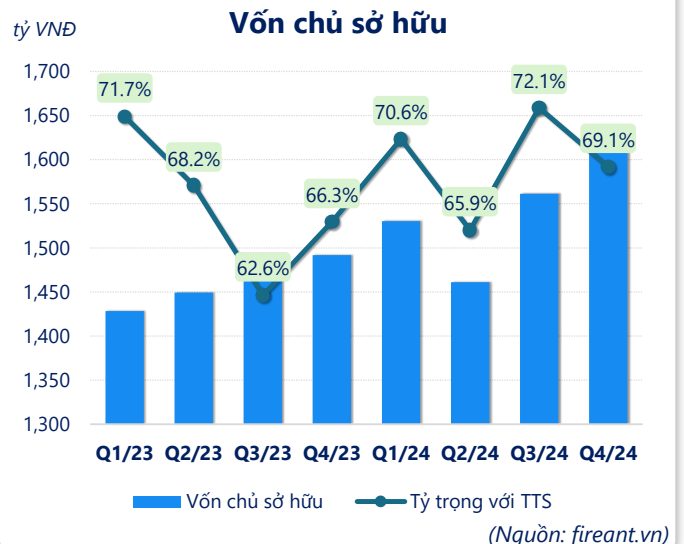
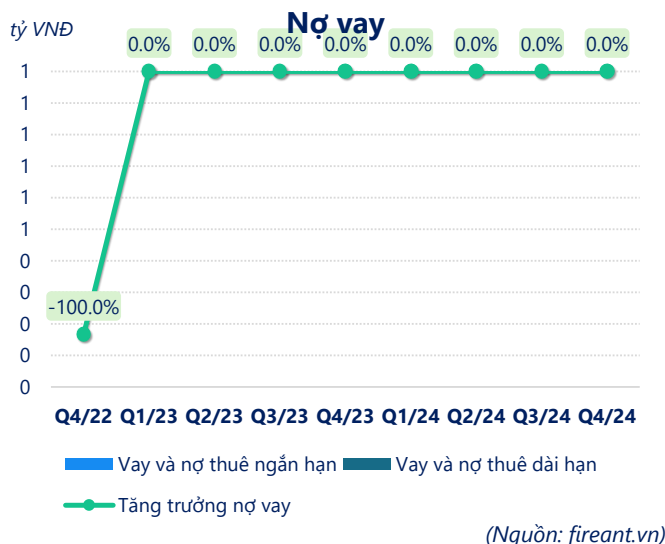
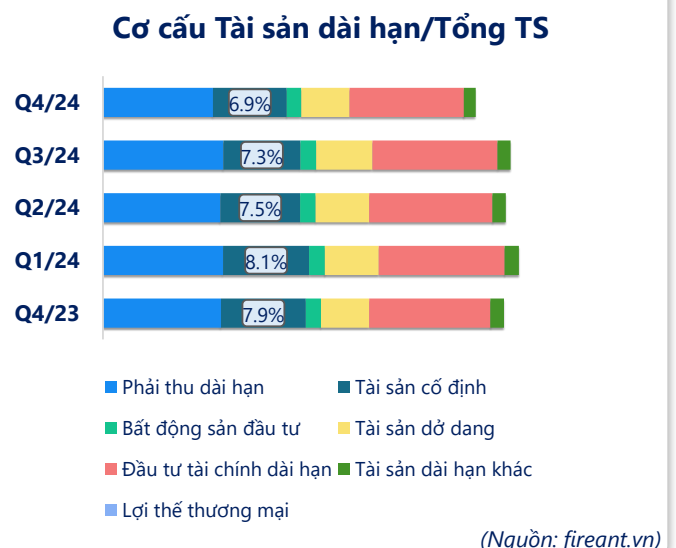
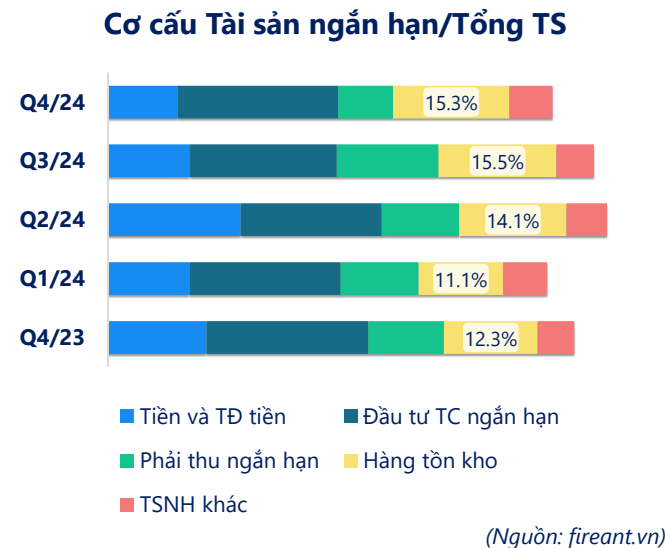
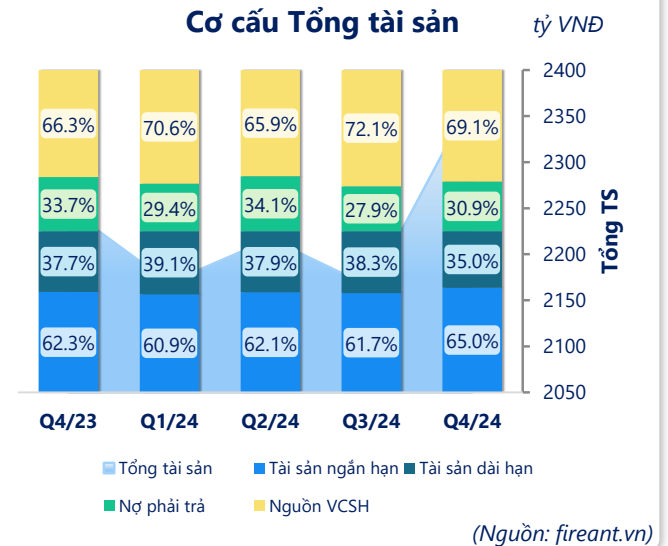
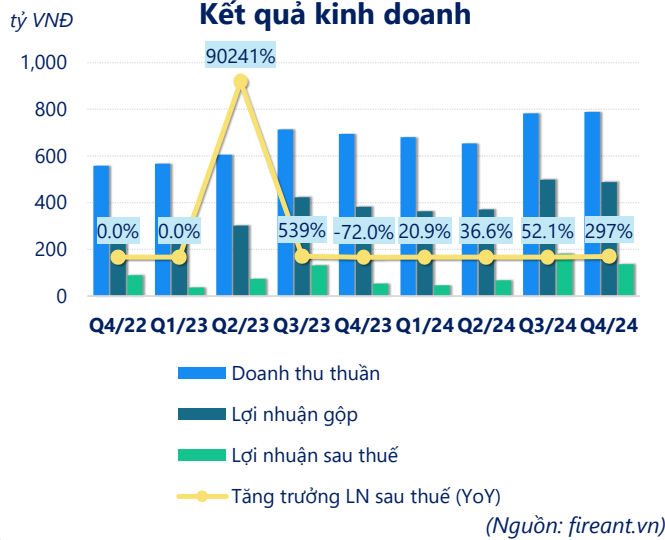
YoY: ▲ 144 | 50.5%

ROE

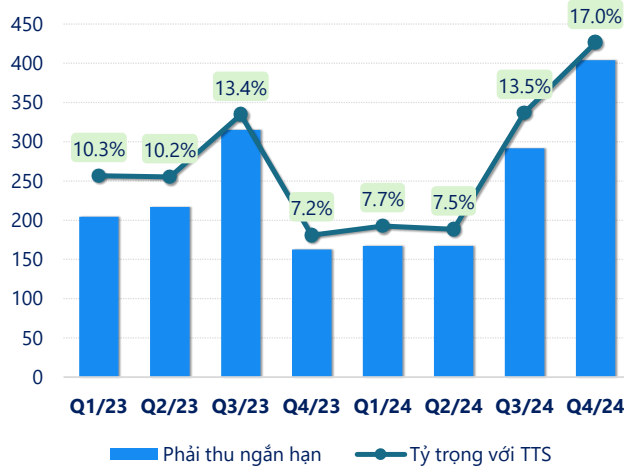
2024

27.5%

+/- YoY: ▲ 8.6%

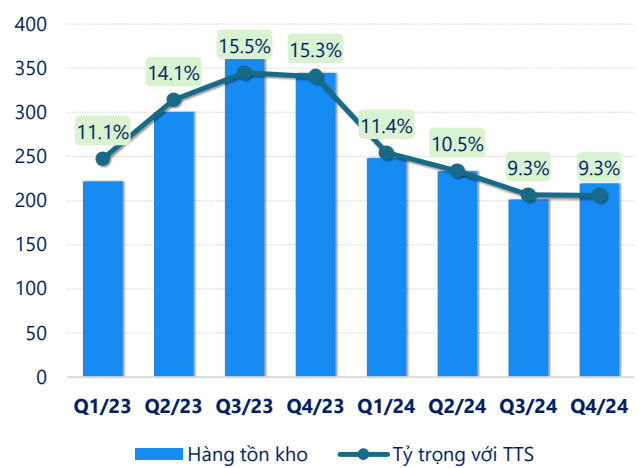


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


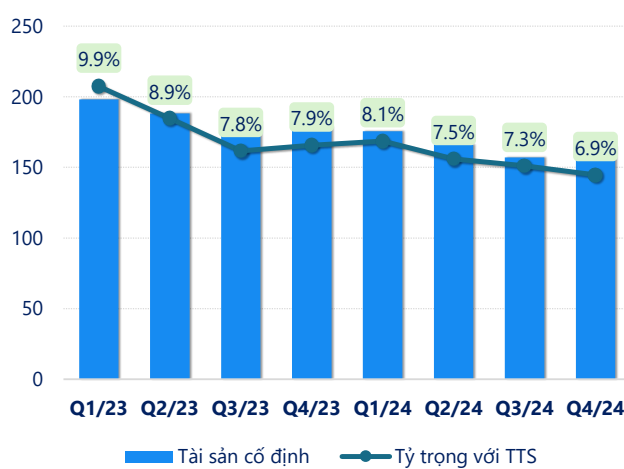
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


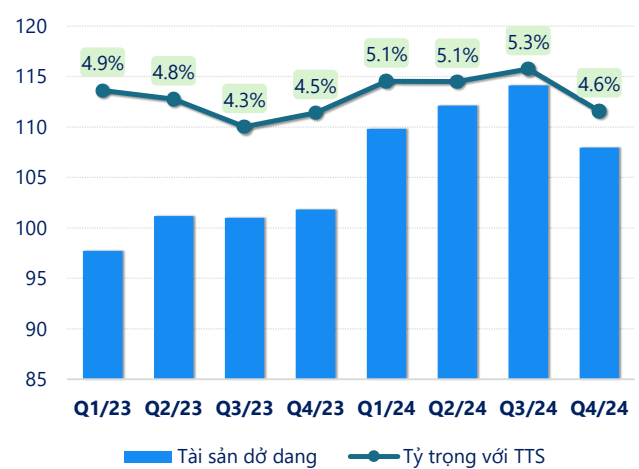
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

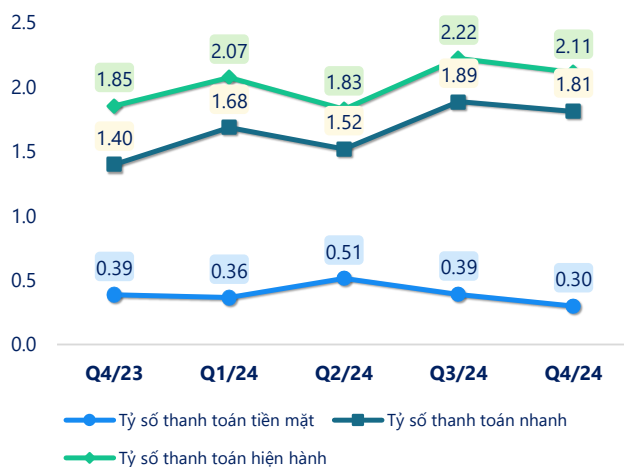
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

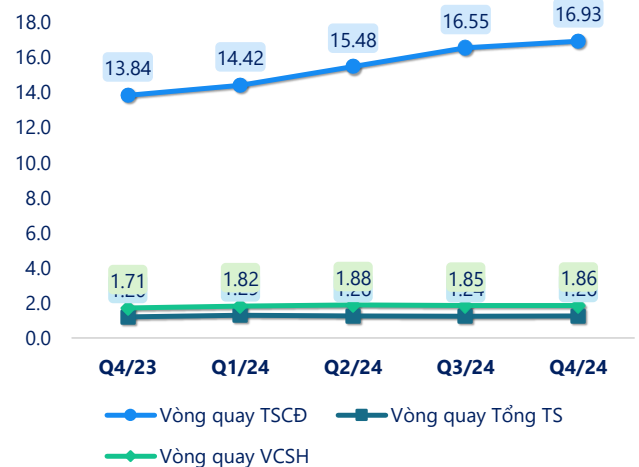
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	2,249	2,169	2,217	2,164	2,370
Tài sản ngắn hạn	1,401	1,321	1,377	1,335	1,539
Tiền và tương đương tiền	292	232	387	234	217
Đầu tư tài chính ngắn hạn	475	522	442	457	537
Phải thu ngắn hạn	163	167	167	292	404
Hàng tồn kho	344	248	233	201	220
Tài sản ngắn hạn khác	127	151	148	151	161
Tài sản dài hạn	848	848	839	829	830
Phải thu dài hạn	250	245	245	245	245
Tài sản cố định	179	176	166	157	165
Bất động sản đầu tư	32.2	32.2	32.2	32.2	32.2
Tài sản dở dang	102	110	112	114	108
Đầu tư tài chính dài hạn	256	256	256	254	255
Tài sản dài hạn khác	28.9	29.3	28.0	26.9	26.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	757	639	756	603	731
Nợ ngắn hạn	756	637	754	601	729
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	563	458	402	347	393
Nợ dài hạn	1.10	1.44	1.63	1.63	2.16
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,492	1,530	1,461	1,561	1,638
Vốn chủ sở hữu	1,492	1,530	1,461	1,561	1,638
Vốn điều lệ	1,335	1,335	1,335	1,335	1,335
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)